

BỘ TƯ PHÁP
Số: 02/1999/QĐ-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Điều 16 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 04 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký văn bản.

Điều 3. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

QUY CHẾ

Làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BTP

ngày 09/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về lề lối làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp và mối quan hệ công tác giữa Bộ trưởng với các Thứ trưởng; giữa Bộ trưởng với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; giữa các Thứ trưởng với nhau; giữa Thứ trưởng với Thủ trưởng các đơn vị do Thứ trưởng phụ trách; giữa Lãnh đạo Bộ và Ban cán sự Đảng, Đảng ủy và các tổ chức chính trị - xã hội trong Bộ.

Quy chế này cũng quy định về chế độ thông tin, báo cáo, thủ tục trình giải quyết công việc và ký văn bản của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Quan hệ công tác và lề lối làm việc của Lãnh đạo Bộ Tư pháp phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Bộ trưởng là người đứng đầu Bộ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm cá nhân trước Đảng và Nhà nước về toàn bộ hoạt động của ngành Tư pháp.

Bộ trưởng phân công cho Thứ trưởng và có thể ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và chịu trách nhiệm về việc thực hiện sự phân công, ủy quyền đó;

2. Trong chỉ đạo điều hành công việc, Lãnh đạo Bộ thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ thủ trưởng, đi đôi với việc phát huy trách nhiệm cá nhân của từng người trong Lãnh đạo Bộ;

3. Lãnh đạo Bộ giải quyết công việc theo chương trình, kế hoạch, lịch làm việc và theo các quy chế làm việc được ban hành, trừ trường hợp có yêu cầu đột xuất của cơ quan cấp trên;

4. Thứ trưởng là người giúp Bộ trưởng phụ trách một số lĩnh vực công tác của Bộ, ngành.

Thứ trưởng được phân công phụ trách lĩnh vực công tác nào thì có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc của lĩnh vực công tác đó.

Thứ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

5. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ chủ động giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách về việc thực hiện công việc được giao hoặc được ủy quyền và phải thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Quy chế này.

Chương II

QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA LÃNH ĐẠO BỘ

Điều 3. Bộ trưởng

1. Bộ trưởng phụ trách chung công việc của Bộ, thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai, thực hiện công việc của các Thứ trưởng và phối hợp hoạt động giữa các Thứ trưởng

2. Bộ trưởng chịu trách nhiệm về các quyết định giải quyết công việc của Thứ trưởng trong phạm vi công việc được Bộ trưởng phân công.

3. Bộ trưởng thông tin thường xuyên cho các Thứ trưởng về các chủ trương, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác của Bộ, ngành.

4. Ngoài cương vị phụ trách chung, Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo, giải quyết một số lĩnh vực công tác sau đây:

- a. Các công việc thuộc lĩnh vực công tác mà Bộ trưởng trực tiếp phụ trách;
- b. Những vấn đề liên quan đến nhiều đơn vị đã được các Thứ trưởng phụ trách chỉ đạo giải quyết, nhưng còn có ý kiến khác nhau;
- c. Những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của Thứ trưởng phụ trách;
- d. Các công việc khác mà Bộ trưởng thấy cần thiết phải trực tiếp giải quyết.

Điều 4. Thứ trưởng

1. Thứ trưởng giúp Bộ trưởng lãnh đạo chung công tác của Bộ, ngành; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác và một số đơn vị thuộc Bộ theo sự phân công của Bộ trưởng; theo dõi và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp địa phương thuộc lĩnh vực được phân công và giải quyết các công việc đột xuất khác do Bộ trưởng giao.

2. Khi giải quyết công việc được phân công, Thứ trưởng nhân danh Bộ trưởng và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả công việc đó;

Trong phạm vi công việc được phân công, Thứ trưởng có trách nhiệm:

a. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công;

b. Chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực được phân công. Đối với những vấn đề phức tạp liên quan đến cơ chế, chính sách mà chưa được pháp luật quy định và các vấn đề quan trọng khác thể hiện quan điểm của Bộ, ngành thì Thứ trưởng phải báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng trước khi giải quyết.

3. Đối với các đơn vị do mình trực tiếp phụ trách, Thứ trưởng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công việc và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả giải quyết công việc của các đơn vị đó; thường xuyên thông tin cho Thủ trưởng các đơn vị về những chủ trương, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác của đơn vị đó.

Điều 5. Thứ trưởng thường trực

1. Bộ trưởng chỉ định một trong số các Thứ trưởng giữ cương vị Thứ trưởng thường trực.

2. Thứ trưởng thường trực, ngoài các công việc được phân công, còn có các quyền hạn, nhiệm vụ sau:

a. Thay mặt Bộ trưởng, giải quyết công việc của Bộ trưởng khi Bộ trưởng vắng mặt;

b. Được Bộ trưởng uỷ quyền ký một số văn bản của Bộ;

c. Giải quyết công việc của Thứ trưởng khác khi Thứ trưởng đó vắng mặt;

d. Thay mặt Lãnh đạo Bộ giữ mối quan hệ, chỉ đạo, phối hợp hoạt động với Đảng uỷ và các tổ chức chính trị - xã hội trong Bộ.

3. Khi Thứ trưởng thường trực vắng mặt, Bộ trưởng chỉ định một Thứ trưởng khác tạm thay làm nhiệm vụ thường trực.

Điều 6. Quan hệ giữa các Thứ trưởng

1. Quan hệ giữa các Thứ trưởng là quan hệ phối hợp, các Thứ trưởng có trách nhiệm thường xuyên thông tin cho nhau về việc giải quyết các công việc được phân công.

2. Khi thực hiện công việc được phân công, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Thứ trưởng khác phụ trách mà cần có ý kiến của Thứ trưởng đó, thì Thứ trưởng chủ trì có trách nhiệm chủ động phối hợp để giải quyết. Trong trường hợp giữa các Thứ trưởng còn có ý kiến khác nhau, thì Thứ trưởng chủ trì báo cáo Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng thường trực quyết định.

3. Trong trường hợp có sự điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Thứ trưởng, thì giữa các Thứ trưởng đó phải có sự bàn giao nội dung công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

Điều 7. Giao ban Lãnh đạo Bộ

1. Vào thứ hai hàng tuần, Lãnh đạo Bộ tổ chức giao ban. Chế độ giao ban phải được duy trì thường xuyên.

Bộ trưởng chủ trì giao ban. Khi Bộ trưởng vắng mặt, Thứ trưởng thường trực chủ trì.

2. Thành phần giao ban Lãnh đạo Bộ gồm: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;

Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ có liên quan đến nội dung giao ban có thể được mời tham dự theo yêu cầu của Bộ trưởng.

3. Tại phiên giao ban:

a. Bộ trưởng và các Thứ trưởng thông tin cho nhau về các công việc đã giải quyết trong tuần và các công việc tiếp theo;

b. Các Thứ trưởng báo cáo Bộ trưởng, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng về những vấn đề cần thiết;

c. Bộ trưởng và các Thứ trưởng thảo luận về biện pháp tổ chức, thực hiện các công việc đặt ra trong tuần.